

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2024/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 24 tháng 05 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 370 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh **Hà Văn B** - Sinh năm: 1993;

CCCD số: 038093014910 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 26/12/2021;

+ Chị **Vi Thị D** - Sinh năm: 1993

CCCD số: 038193010390 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 12/07/2021;

Cùng trú tại địa chỉ: **Bản K, xã P, huyện Q, Thanh Hóa.**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu **Vi Thị D**: Ông **Đoàn Văn D1** - Trợ giúp viên pháp lý - **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T** (Số C, đại lộ L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B** tự do tìm hiểu yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/05/2012 tại **UBND xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, mà ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc, chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B** đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B** có với nhau 01 con chung là **Hà Ánh D2** (sinh ngày 23/03/2019); Nay ly hôn, cả hai vợ chồng thống nhất giao cháu **D2** cho chị **D** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Các đương sự thoả thuận anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B** không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Vợ chồng thoả thuận chị **D** là người nộp toàn bộ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm.

Ngày 16/05/2024 Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B**.

- Về con chung: Có 01 con chung là **Hà Ánh D2** (sinh ngày 23/03/2019)

Giao cháu **Hà Ánh D2** chưa thành niên cho chị **Vi Thị D** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật .

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị **Vi Thị D** và anh **Hà Văn B** có quyền làm đơn đề nghị thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xét.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 15 Quyển số 07 ngày 07/05/2012 của **UBND xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Vi Thị D** là người nộp lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo thoả thuận của vợ chồng. Được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc HN&GD sơ thẩm chị **D** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006500 ngày 25/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- VKSND huyện Quan Hóa (03 bản);
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Phú Sơn, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh